

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 16.11.2020

V/v: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Lộc.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2020 về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị D**, SN: 1988

Trú tại: Xóm P, xã Đ, huyện S, tỉnh B

- Bị đơn: Anh **Lê Ngọc H**, SN: 1986

Trú tại: Xóm P, xã Đ, huyện S, tỉnh B

(Chị D có mặt, anh H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày:

Chị với anh Lê Ngọc H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện P ngày 12/01/2011. Hôn nhân giữa chị với anh H không hạnh phúc do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh H nhiều lần đánh đập, nhục mạ chị nhưng vì con mà chị cố gắng chịu đựng bỏ qua. Đến cuối năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng, chị không thể chịu đựng thêm được nên đã bỏ đi ra sống riêng dẫn theo đứa con gái tên Lê Ngọc Thiên L. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc H.

Giữa chị với anh Lê Ngọc H có 02 người con chung tên là Lê Ngọc Thiên T, sinh ngày: 22/12/2011 và Lê Ngọc Thiên L, sinh ngày 03/8/2014. Hiện nay cháu L đang ở với chị, còn cháu T đang ở với anh H. Sức khỏe của các cháu phát triển bình thường. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Lê Ngọc Thiên L, giao cho anh H sẽ tiếp tục nuôi cháu Lê Ngọc Thiên T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Lê Ngọc H trình bày:*

Anh với chị Lê Thị D tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện P ngày 12/01/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Cách đây khoảng 02 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, anh nói chị D không nghe, có lần anh bức tức nên đánh bạt tai chị D. Từ cuối năm 2018 chị D đã bỏ ra sống riêng dẫn theo đứa con gái tên Lê Ngọc Thiên L. Vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai.

Nay anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn không lớn. Do thời gian sống xa cách, tình cảm vợ chồng có phần phai nhạt nhưng anh vẫn mong muốn chị D quay trở về chung sống để cùng lo cho các con nên anh không đồng ý ly hôn chị D.

Giữa anh với chị Lê Thị D có 02 người con chung tên là Lê Ngọc Thiên T, sinh ngày: 22/12/2011 và Lê Ngọc Thiên L, sinh ngày 03/8/2014. Hiện nay cháu T đang ở với anh, còn cháu L đang ở với chị D. Sức khỏe của các cháu phát triển bình thường. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì khi ly hôn anh xin nhận nuôi 02 con là cháu T và cháu L. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản gốc giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu L, bản sao giấy chứng minh nhân dân chị D, bản sao sổ hộ khẩu.

- Bị đơn giao nộp cho tòa: Bị đơn cung cấp giấy chứng minh nhân dân anh H, bản sao giấy khai sinh cháu T và thừa nhận chứng cứ nguyên đơn cung cấp.

- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai chị D, anh H, cháu T, biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Lê Thị D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc H. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị D được Tòa án chấp nhận.

Bị đơn anh Lê Ngọc H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham dự phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị Lê Thị D với anh Lê Ngọc H tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 12/01/2011 tại UBND xã S, huyện P nên quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh H được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị Lê Thị D trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng không hạnh phúc mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, anh H nhiều lần đánh đập, nhục mạ chị nhưng vì con mà chị cố gắng chịu đựng bỏ qua nhưng đến cuối năm 2018 mâu thuẫn trầm trọng, chị không chịu đựng được thêm nữa nên đã bỏ ra đi ra sống riêng. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên

chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc H.

Đối với bị đơn anh Lê Ngọc H cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Cách đây khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính cách không hợp nhau, chị D không nghe lời anh, có lần anh bực tức nên đánh bạt tai chị D. Từ cuối năm 2018 chị D đã bỏ ra sống riêng. Vợ chồng không sống chung từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn không lớn. Do thời gian sống xa cách, tình cảm vợ chồng có phần phai nhạt nhưng anh vẫn mong muốn chị D quay trở về chung sống để cùng lo cho các con nên anh không đồng ý ly hôn chị D.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị D, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị Lê Thị D với anh Lê Ngọc H phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; phải có thái độ tôn trọng nhau, cùng giúp đỡ nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, chị D với anh H đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống hôn nhân do các bên bất đồng quan điểm sống, lúc nóng giận anh H còn đánh bạt tai chị D. Từ cuối năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng dẫn đến việc chị D dẫn con là cháu Lê Ngọc Thiên L ra sống riêng, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình sống ly thân thì vào đầu năm 2020 gia đình hai bên gặp nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vợ chồng cũng không hàn gắn được tình cảm. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng vẫn không thành. Xét thấy, vợ chồng chị D, anh H sống ly thân đã lâu nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh H đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc kéo dài quan hệ hôn nhân giữa chị D với anh H là không cần thiết nên việc chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Ngọc H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[2.3]. Về con chung:

Chị Lê Thị D với anh Lê Ngọc H có 02 người con chung tên là Lê Ngọc Thiên T, sinh ngày: 22/12/2011 và Lê Ngọc Thiên L, sinh ngày 03/8/2014. Khi ly hôn chị D xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, giao cháu T cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; còn anh H xin được nhận nuôi 02 người con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị D, anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình

thường. Từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, cháu L do chị D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu T do anh H trực tiếp nuôi dưỡng nhưng các bên vẫn đảm bảo cuộc sống của các cháu. Tại biên bản lấy lời khai của cháu Lê Ngọc Thiên T vào ngày 18/9/2020 thì nguyện vọng của cháu muốn ở với cha khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Lê Ngọc Thiên L, sinh ngày 03/8/2014 cho mẹ là chị Lê Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Ngọc Thiên T, sinh ngày: 22/12/2011 cho cha là anh Lê Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Lê Thị D với anh Lê Ngọc H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị Lê Thị D phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn anh Lê Ngọc H chưa chấp hành nghiêm sự triệu tập của Tòa án. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vicáclêntrên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị D về việc yêu cầu ly hôn anh Lê Ngọc H.

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị D được ly hôn anh Lê Ngọc H

[1.2]. Về quan hệ con chung:

+ Giao cháu Lê Ngọc Thiên L, sinh ngày 03/8/2014 cho mẹ là chị Lê Thị D được trực tiếp nuôi dưỡng.

+ Giao cháu Lê Ngọc Thiên T, sinh ngày: 22/12/2011 cho cha là anh Lê Ngọc H được trực tiếp nuôi dưỡng.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị Lê Thị D với anh Lê Ngọc H đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2]. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Chị Lê Thị D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, chị D đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0008901 ngày 11/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát, nay được khấu trừ.

[3]. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt, thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Phù Cát (02b);
- Chi cục THA DS huyện Phù Cát;
- UBND xã Cát Sơn, H. Phù Cát;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh